CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư Cầu đường CII

Ngày 30/06/2025	63,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.2%	**-7.2%**	**-5.7%**

DT thuần
Q2/25
642
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.00| 1.1%
YoY: ▲ 28.0| 4.6%

LN thuần
Q2/25
219
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00| -1.4%
YoY: ▼104| -32.2%

LN sau thuế
Q2/25
205
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.00| -2.5%
YoY: ▼103| -33.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
71.5%
YoY: +/-▲ 0.5%

ROE (TTM)
Q2/25
8.2%
YoY: +/-▼ 1.9%

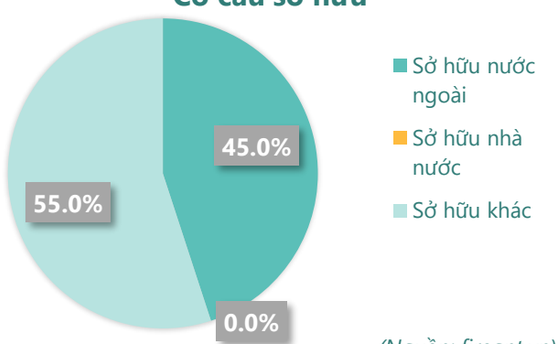
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	45,766 - 68,110
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,188
Số lượng CPLH (CP)	192,854,765
KLGD BQ 20 phiên (CP)	170
Sở hữu nước ngoài	45.0%
Beta	0.17
EPS	2,448
P/E	25.8

DT thuần
6T 2025
1,277
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.00| -0.6%

LN thuần
6T 2025
441
tỷ VNĐ
YoY: ▼83.0| -15.9%

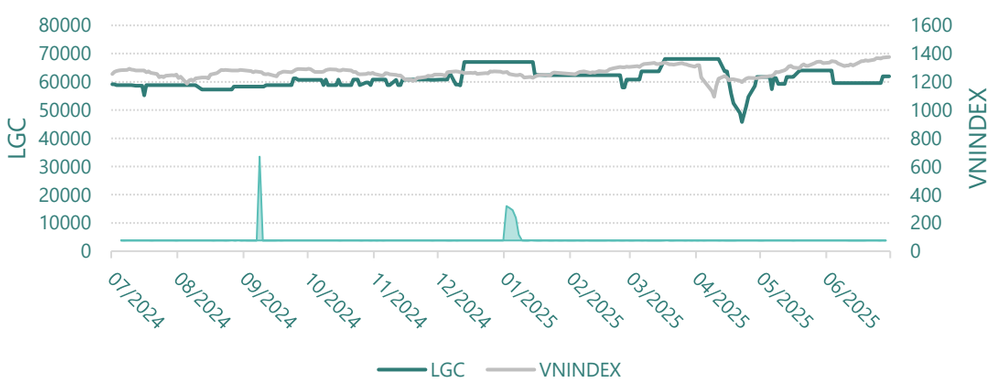
LN sau thuế
6T 2025
415
tỷ VNĐ
YoY: ▼83.0| -16.8%

Cơ cấu sở hữu

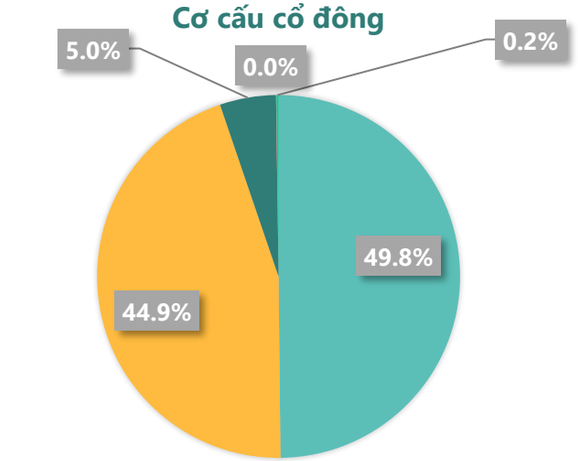


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

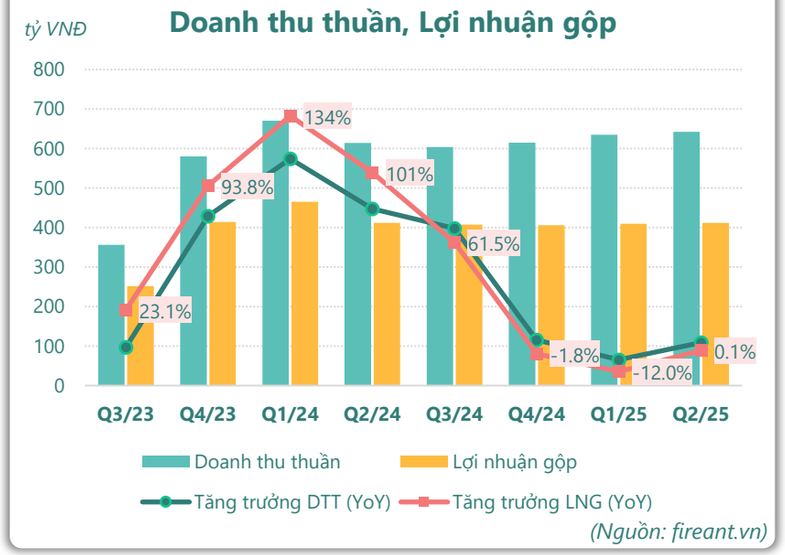


Cơ cấu cổ đông

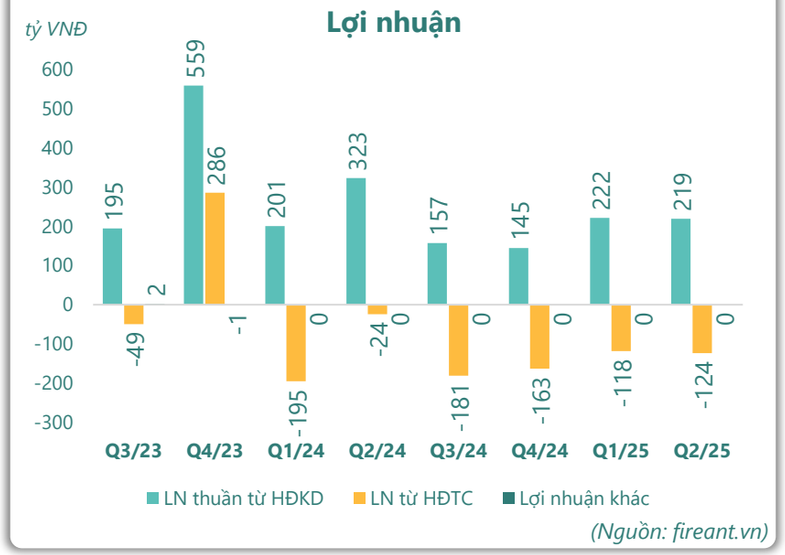


(Nguồn: fireant.vn)

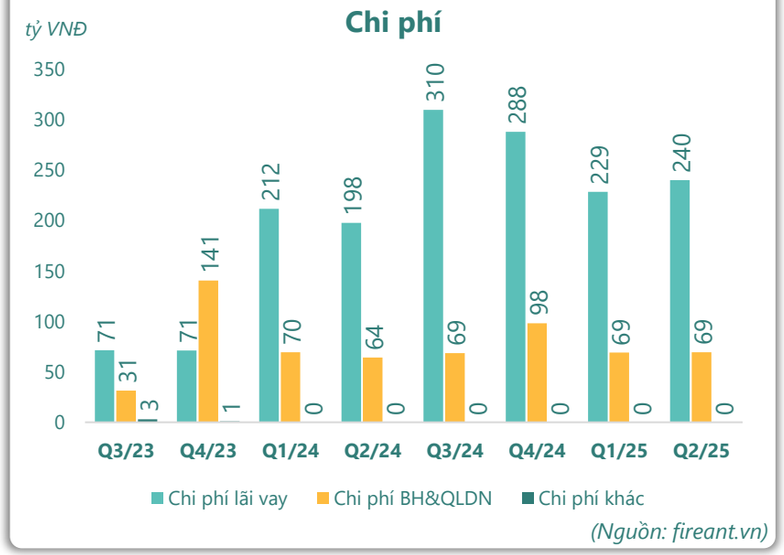
KẾT QUẢ KINH DOANH



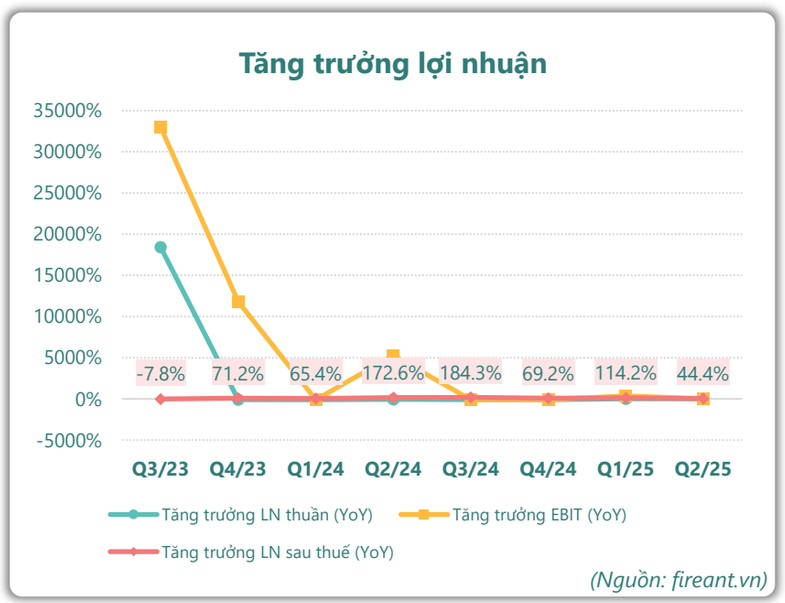
(Nguồn: fireant.vn)



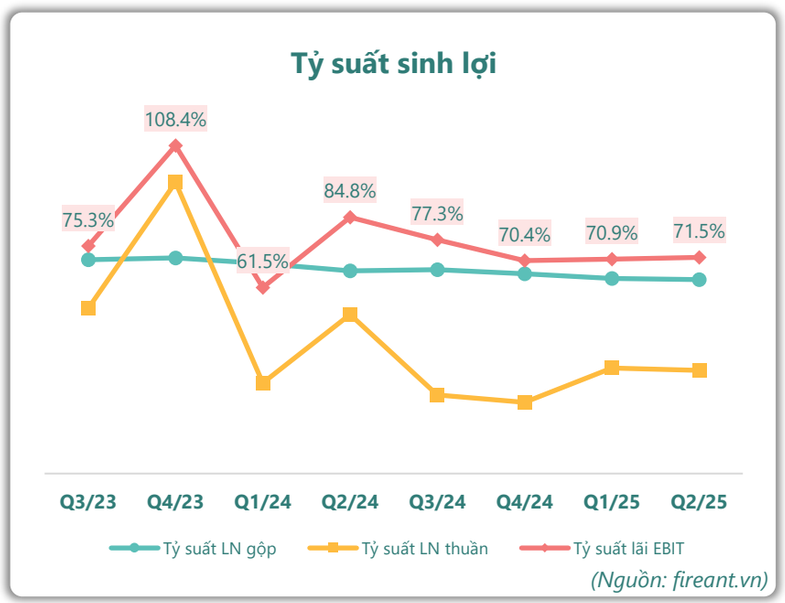
(Nguồn: fireant.vn)



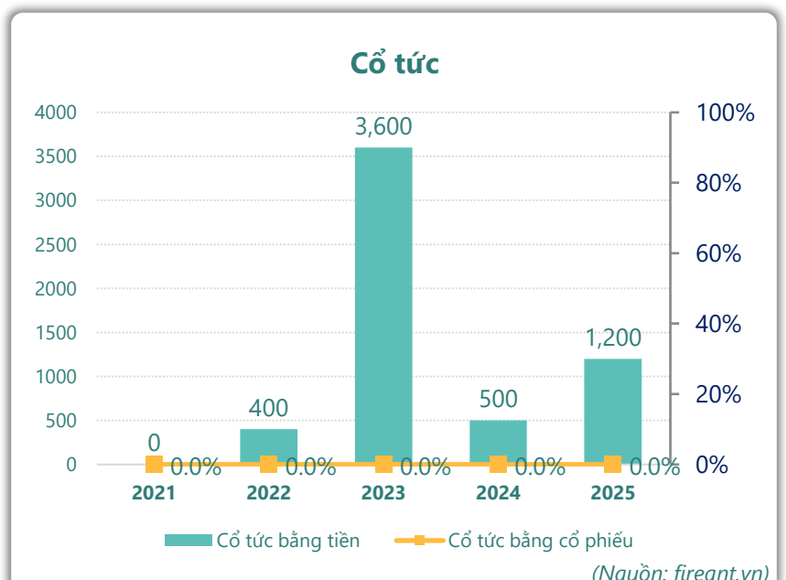
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



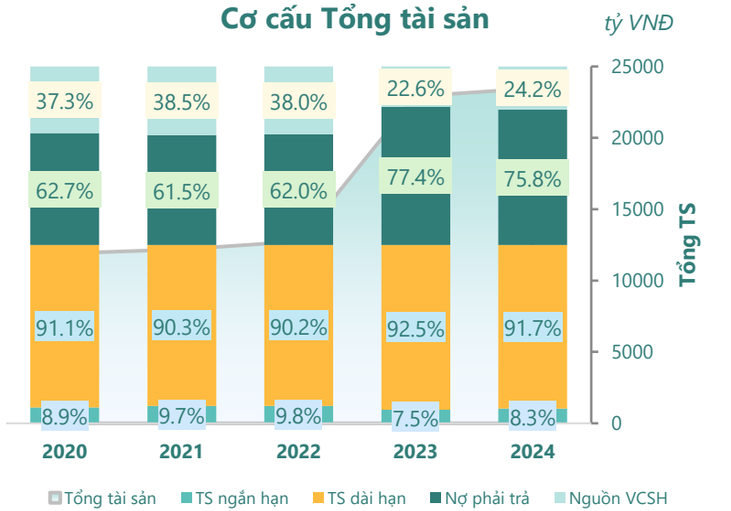
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

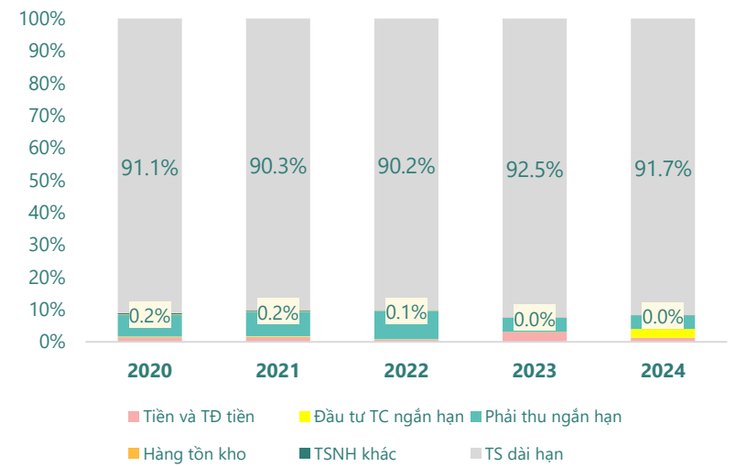
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



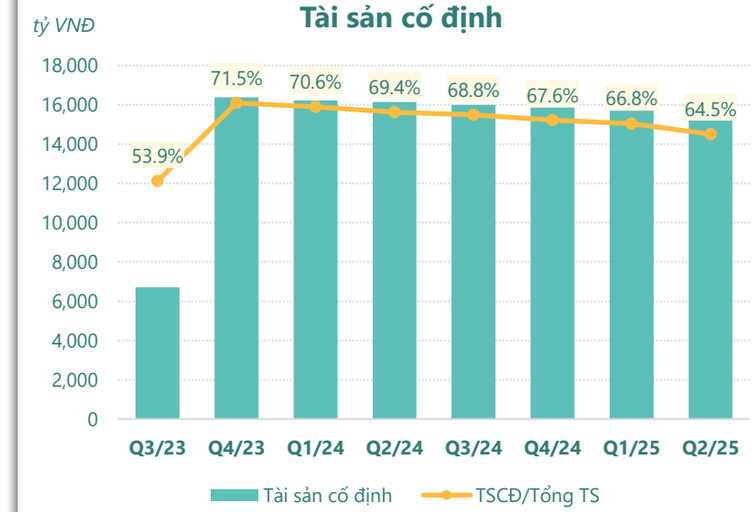
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



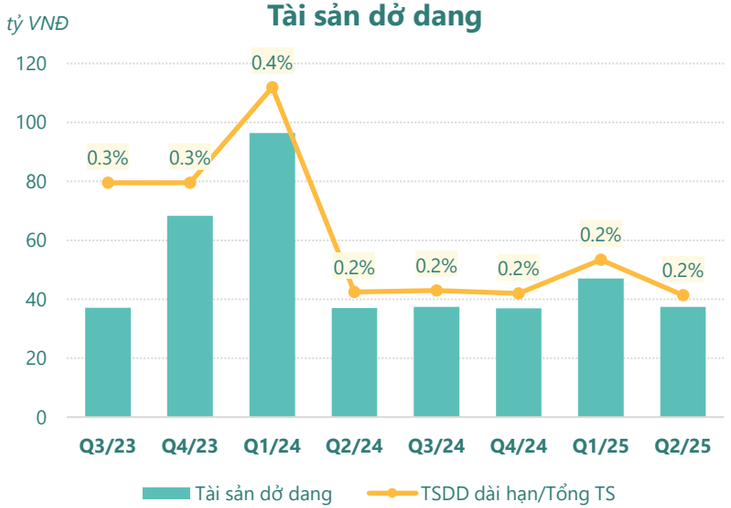
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



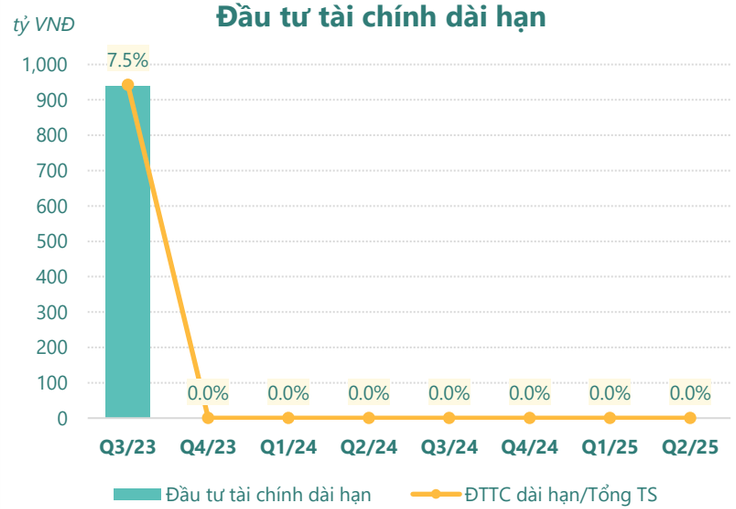
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



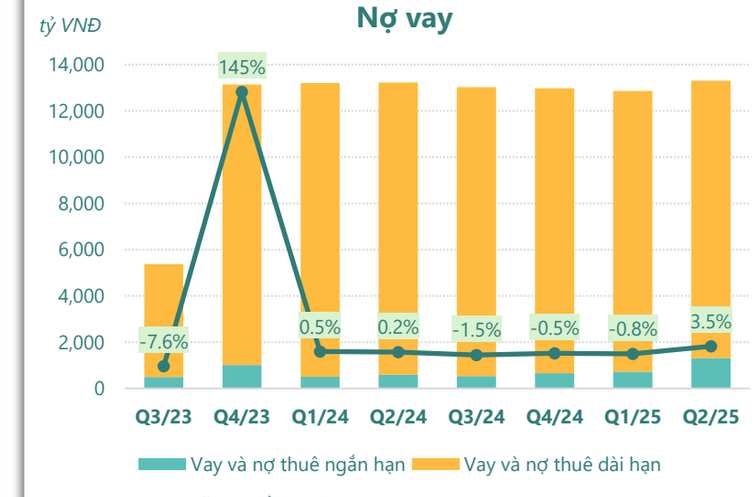
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

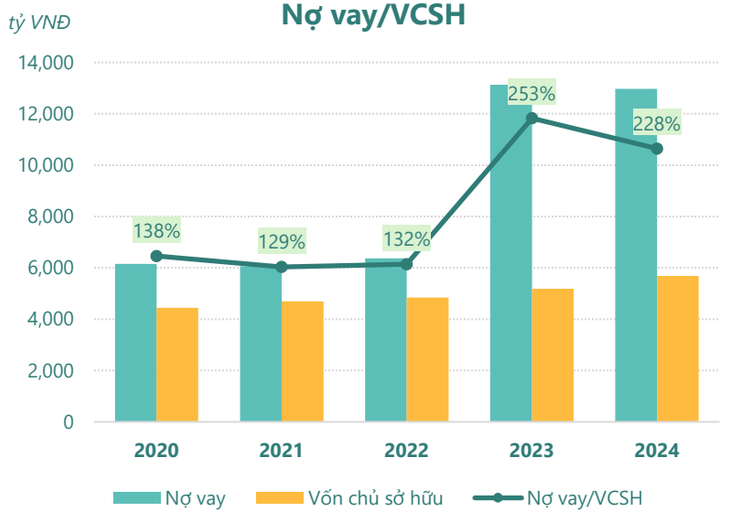
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

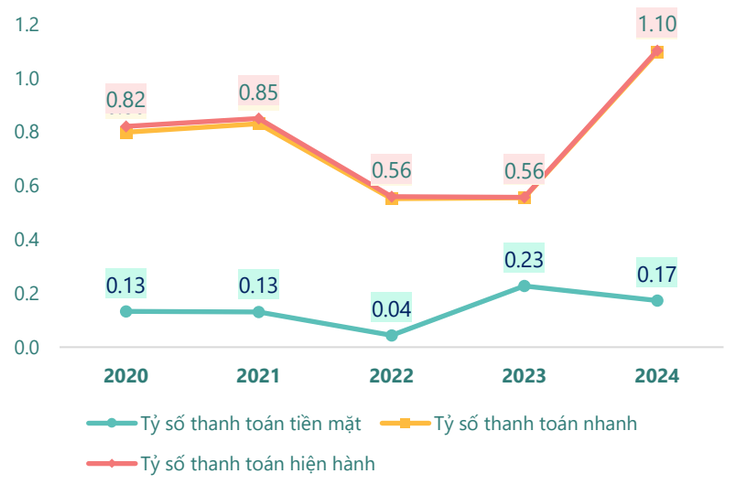
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



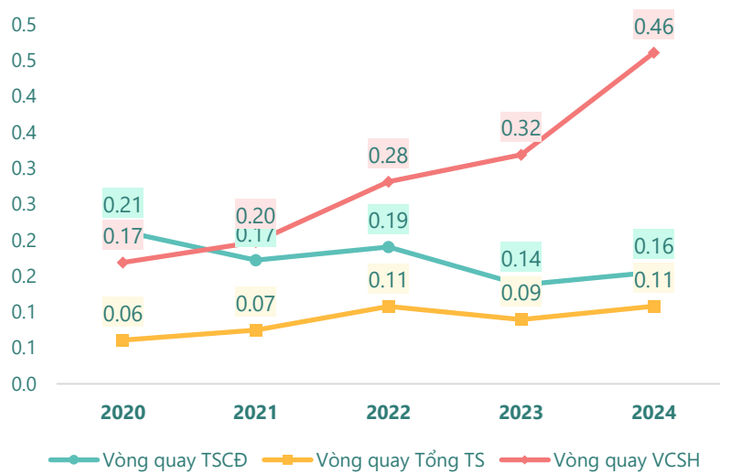
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



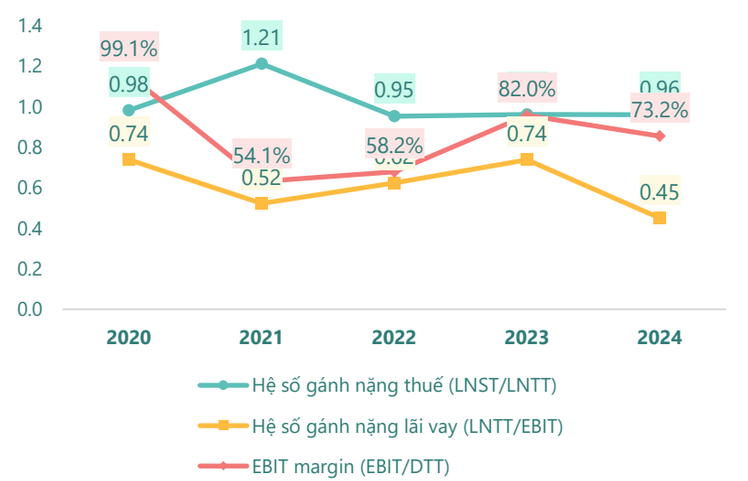
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



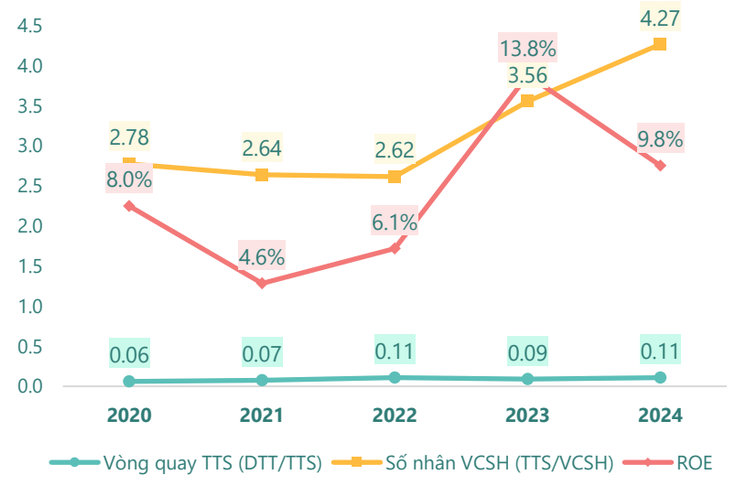
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



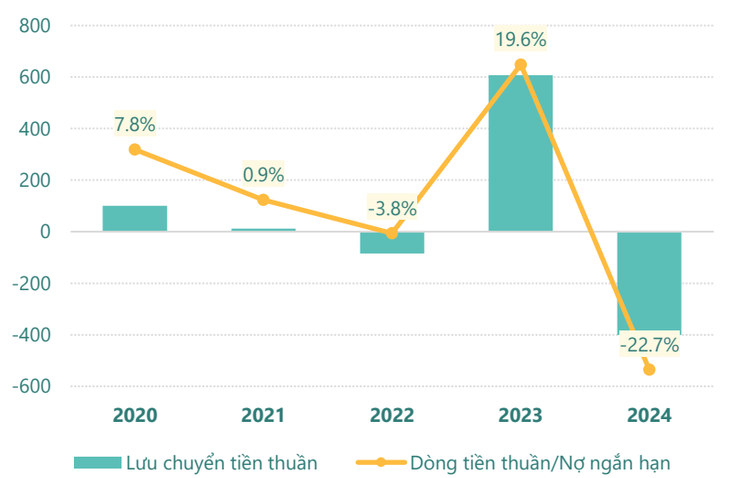
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**642**	**614**	**4.6%**	**1,277**	**1,285**	**-0.6%**
Giá vốn hàng bán	230	203	13.4%	456	408	11.8%
Lợi nhuận gộp	412	411	0.2%	821	877	-6.4%
Doanh thu HĐTC	119	176	-32.4%	232	196	17.9%
Chi phí TC	242	200	21.2%	474	416	13.9%
Chi phí lãi vay	240	198	21.3%	469	410	14.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	31.2	27.1	15.0%	61.5	61.6	-0.1%
Chi phí QLDN	**38.2**	**37.1**	**2.9%**	**77.0**	**72.1**	**6.8%**
LN thuần từ HĐKD	219	323	-32.2%	441	524	-15.9%
Lợi nhuận khác	**-0.15**	**-0.13**	**-13.7%**	**-0.24**	**-0.14**	**-62.6%**
LN trước thuế	219	323	-32.3%	440	524	-15.9%
Lợi nhuận sau thuế	**205**	**308**	**-33.5%**	**415**	**498**	**-16.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**150**	**240**	**-37.7%**	**305**	**365**	**-16.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	249	73.7	158	204	156	237
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-633	462	-396	-268	-18.9	-479
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	31.0	7.96	-248	-42.1	-158	415
Tiền đầu kỳ	705	352	896	411	305	285
Lưu chuyển tiền thuần	**-353**	**544**	**-485**	**-105**	**-20.9**	**172**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	352	896	411	305	285	457

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**24,142**	**23,464**	**2.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,548	1,943	31.2%
Tiền và tương đương tiền	457	305	49.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,180	624	89.0%
Phải thu ngắn hạn	894	992	-9.9%
Hàng tồn kho	4.19	9.50	-55.9%
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	11.2	20.6%
Tài sản dài hạn	**21,594**	**21,521**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	1,609	1,470	9.4%
Tài sản cố định	15,565	15,864	-1.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	37.4	36.9	1.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4,154**	**3,904**	**6.4%**
Lợi thế thương mại	229	246	-6.9%
Nợ phải trả	18,133	17,779	2.0%
Nợ ngắn hạn	**2,599**	**1,762**	**47.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,317	601	119%
Phải trả người bán ngắn hạn	385	390	-1.4%
Nợ dài hạn	15,534	16,017	-3.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	11,993	12,367	-3.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**6,009**	**5,685**	**5.7%**
Vốn chủ sở hữu	**6,009**	**5,685**	**5.7%**
Vốn điều lệ	1,929	1,929	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)